TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-4-2020.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hiền Lương và bà Trần Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 (Số thụ lý mới: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020) về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Y H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh A Ng, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng12 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Y H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y H và anh A Ng tự nguyện kết hôn và được UBND xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28 tháng 4 năm 2011. Sau khi kết hôn, chung sống đến ngày 20 tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sau đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, anh Ng hay rượi chè, say sỉn nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay, chị H không còn tình cảm với anh Ng nữa nên đề nghị được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Y N sinh ngày 01/12/2015. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía bị đơn anh A Ng:* Qua xác nhận của chính quyền địa phương thì anh A Ng có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum nhưng không có mặt tại địa phương. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và kết quả tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh A Ng vắng mặt không lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh A Ng.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y H.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là Y N sinh ngày 01/12/2015 cho chị Y H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y H không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị Y H thuộc diện được miễn tiền án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và có đơn xin miễn tiền án phí nên đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Y H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết ly hôn với anh A Ng có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Đây là tranh chấp thuộc khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Đối với bị đơn anh A Ng, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng anh A Ng vắng mặt không lý do. Do đó, anh Ng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt đối với anh A Ng.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y H và anh A Ng đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum vào ngày 28/4/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Chị cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, anh Ng hay rượi chè, say sỉn nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2019 chị Y H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh A Ng nhưng sau đó đã rút đơn để về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, sau khi rút đơn cả hai vẫn không thể tiếp tục chung sống nên chị Y H tiếp tục khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh A Ng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng anh Ng vắng mặt, điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H. Hơn nữa, từ năm 2016 đến nay các đương sự đã sống ly thân. Như vậy việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình đã không được thực hiện theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình 2014. Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh Ng nữa và yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y H và anh A Ng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Y N sinh ngày 01/12/2015.

Khi ly hôn chị Y H có nguyện vọng nuôi con. Xét, việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất. Hiện tại, cháu Y N còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, cháu đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao con chung cho chị Y H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để phát triển về thể chất và tinh thần là phù hợp.

Chị H không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Y H là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Do đó, miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Y H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" đề ngày 06/12/2019 của chị Y H.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Y H được ly hôn với anh A Ng.

2. **Về con chung:** Giao con chung tên là Y N sinh ngày 01/12/2015 cho chị Y H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

Anh A Ng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. **Tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Y H.

5. **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15*(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (*21/4/2020)* nguyên đơn có quyền gửi đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hiền Lương **Trần Thị Tâm** **Ry Thị Mỹ Hoàng**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kon Tum;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ry Thị Mỹ Hoàng